

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 6 - 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đức;
2. Ông Nguyễn Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 1729/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐST - HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Phạm Tường V, sinh năm 1991; thường trú tại: Thôn K, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; tạm trú: Số 1/13, khu phố B, phường B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Khương Văn S, sinh năm 1987; thường trú tại: Thôn 10, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Số 90/DC1, Tổ 29, khu phố B, phường B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Phạm Tường V trình bày: Bà Nguyễn Phạm Tường V và ông Khương Văn S tự nguyện tìm hiểu, tiến đến quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào năm 2011. Sau khi về chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không

hạnh phúc; đồng thời vào tháng 10/2019 bà N đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Khương Văn S. Tuy nhiên, bà V tự nguyện rút đơn khởi kiện nhưng sau đó cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn, mâu thuẫn vẫn tiếp diễn. Bà V và ông S đã sống ly thân từ tháng 02/2016 cho đến nay. Khi sống ly thân, bà V giao con chung cho ông S chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà V tiếp tục nộp đơn yêu cầu được ly hôn với Khương Văn S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa bà V và ông S có 01 con chung tên Khương Nguyễn Văn Q, sinh ngày 07/11/2011.

Khi ly hôn, bà V giao con chung tên Khương Nguyễn Văn Q, sinh ngày 07/11/2011 cho ông Khương Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Khương Văn S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập ông Sĩ đến Tòa án tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, ông S đều vắng mặt không rõ lý do.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà V chấp hành đúng pháp luật tố tụng, ông S không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà V là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Phạm Tường V khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Khương Văn S, đồng thời ông Sĩ hiện đang đăng ký tạm trú và sinh sống tại địa chỉ Số 90/DC1, Tổ 29, khu phố B, phường B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương (theo biên bản xác minh ngày 06/01/2020) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An,

tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Phạm Tường V yêu cầu được ly hôn với ông Khương Văn S, giao con chung cho ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Khương Văn S được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do; nguyên đơn bà V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà V và ông S, xem như ông S từ bỏ quyền chứng minh.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Phạm Tường V và ông Khương Văn S tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào năm 2011 nên quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông S là hợp pháp.

Theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện trong quá trình chung sống với nhau, chính quyền địa phương không nắm được tình hình mâu thuẫn giữa bà V và ông S do không ai trình báo. Tuy nhiên, theo Trích lục Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình số 216/2019/TLA ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An (nay là thành phố Thuận An) thể hiện bà V đã khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Khương Văn S nhưng bà V tự nguyện rút đơn khởi kiện. Qua đó cho thấy, bà V có nguyện vọng vợ chồng hàn gắn tình cảm và xây dựng gia đình hạnh phúc cùng với ông S nhưng tình cảm không thể hàn gắn nên bà V tiếp tục nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông S.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Phạm Tường V và ông Khương Văn S đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Nguyễn Phạm Tường V được ly hôn với ông Khương Văn S.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà V và ông S có 01 con chung tên Khương Nguyễn Văn Q, sinh ngày 07/11/2011. Khi ly hôn, bà V giao con chung cho ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và bà V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Do cháu Q đã trên 07 tuổi nên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã làm việc với cháu Q theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Qua làm việc, cháu Q xác định trường hợp cha và mẹ ly hôn, cháu Q có nguyện vọng sống với ông S; đồng thời từ khi vợ chồng ông S, bà V sống ly thân cho đến nay ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Khương Nguyễn Văn Q. Do đó, để tránh sự thay

đôi môi trường sống và học tập; đồng thời cũng theo nguyện vọng của cháu Q nên Hội đồng xét xử giao con chung tên Khương Nguyễn Văn Q cho ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà V cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Trường hợp sau này các đương sự có tranh chấp về người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con thì có thể yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Phạm Tường V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Phạm Tường V đối với ông Khương Văn S về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Phạm Tường V được ly hôn với ông Khương Văn S.

- Về con chung: Giao con chung tên Khương Nguyễn Văn Q, sinh ngày 07/11/2011 cho ông Khương Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Phạm Tường V cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu

cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Phạm Tường V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu số 0036715 ngày 23/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An (nay là thành phố Thuận An), tỉnh Bình Dương. Bà V còn phải nộp 300.000 đồng.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Kiệt